

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST
ngày: 21/7/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Ái và ông Phan Quang Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 21 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.**

Địa chỉ: Tòa nhà T, số H, đường T1, quận H1, Tp. H2.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Đỗ Minh Q, Giám đốc Phòng giao dịch Hàm Tân theo giấy ủy quyền số 1148/2021/UQ-LBP.Th ngày 15/7/2021 (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T3, huyện H3, tỉnh B

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Kim Y, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H3, tỉnh B

(Ông Q, ông T2, bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP B (Viết tắt là Ngân hàng) trình bày: Vào ngày 13/5/2016 ông Nguyễn Ngọc T2 vay vốn tại Ngân hàng TMCP B chi nhánh B1 theo hợp đồng tín dụng số 0218/2016/HDTD/CNBinhThuan ngày 13/5/2016 với nội dung: Số tiền vay là

150.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, ngày giải ngân là ngày 13/5/2016, lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm xử lý chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc quá hạn. Trả gốc vào ngày 23 hàng tháng, được chia làm 60 kỳ hạn trả nợ, mỗi kỳ trả số tiền 2.500.000đ, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 12/5/2021. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền 150.000.000đ cho ông T2, từ ngày 23/6/2021 đến ngày 23/10/2020 ông T2 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên, kể từ ngày 23/11/2020 đến nay ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T2 phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm (21/7/2021) với số tiền 20.355.627đ bao gồm 17.500.000đ nợ gốc, 2.067.188đ lãi quá hạn và 788.439đ lãi trong hạn, ông T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T2 trình bày: Ngày 13/5/2016 ông có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 150.000.000đ, hàng tháng ông đều trả nợ gốc và lãi, tuy nhiên đến tháng 11/2020 ông gặp khó khăn về kinh tế nên có chậm trả nợ, ông thừa nhận ông còn nợ lại Ngân hàng 17.500.000đ tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, lẽ ra ông định vay mượn tiền để trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng do cán bộ tín dụng đe dọa nên ông bức tức không trả nợ cho Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện, ông đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Vợ ông không liên quan đến khoản nợ này nên việc trả nợ cho Ngân hàng sẽ do bản thân ông thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Kim Y trình bày: Việc vay mượn của ông T2 đối với Ngân hàng bà không hề biết. Bà Y đồng ý với việc ông T2 sẽ tự bản thân thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.355.627đ, và kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, ông T2 phải tiếp tục trả lãi trên khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T2 phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0218/2016/HDTD/CNBinhThuan ngày 13/5/2016 giữa các bên, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T2 có nơi cư trú tại Khu phố B, thị trấn T3, huyện H3, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đỗ Minh Q, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông T2 thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 150.000.000đ, vì vậy, Hợp đồng tín dụng 0218/2016/HDTD/CNBinhThuan ngày 13/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B chi nhánh B1 và ông Nguyễn Ngọc T2 là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, nên hợp đồng là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[2.2] Theo thỏa thuận, ông Nguyễn Ngọc T2 có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi vào ngày 23 hàng tháng. Tuy nhiên, kể từ ngày 23/11/2020, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, do bên vay vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T2 phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi trước kỳ hạn là phù hợp với Điều 7 Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T2 thừa nhận từ tháng 11/2020 ông gặp khó khăn về kinh tế nên không tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, ông còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 17.500.000đ và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng. Điều này phù hợp với lời trình bày của đại diện Nguyên đơn. Vì vậy, đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ngân hàng yêu cầu ông T2 phải trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/7/2021 là 20.355.627đ bao gồm 17.500.000đ nợ gốc, 2.067.188đ lãi quá hạn và 788.439đ lãi trong hạn. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, ông T2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông T2 phải trả số tiền 17.500.000đ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa, ông T2 vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu nêu trên của Ngân hàng, nhưng bản thân ông T2 cũng thừa nhận còn nợ lại Ngân hàng số tiền 17.500.000đ tiền gốc, đối với tiền lãi, các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng, do đó, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thoả thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, như vậy, cần buộc bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/7/2021 tổng cộng 20.355.627đ bao gồm 17.500.000đ nợ gốc, 2.067.188đ lãi quá hạn và 788.439đ lãi trong hạn.

[2.4] Cũng tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, ông T2 trình bày khoản vay của Ngân hàng không liên quan đến vợ ông, nên ông đề nghị bản thân sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tại bản tự khai, bà Võ Thị Kim Y trình bày bản thân không biết đến khoản vay giữa ông T2 và Ngân hàng, bà đồng ý với ý kiến của ông T2 về việc ông T2 sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021, cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chỉ khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T2, buộc ông T2 trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, HĐXX nhận thấy chỉ buộc ông Nguyễn Ngọc T2 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B là phù hợp.

[3] Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Nguyễn Ngọc T2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền 20.355.627đ (*Hai mươi triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng*) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/7/2021. Trong đó: Nợ gốc là 17.500.000đ; Lãi trong hạn là 788.439đ; Lãi quá hạn là 2.067.188đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 21/7/2021, ông Nguyễn Ngọc T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0218/2016/HDTD/CNBinhThuan ngày 13/5/2021 mà các bên đã ký kết cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

2. Án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc T2 phải chịu 1.017.781đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền 502.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009414 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang